

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐAK PƠ**

PHỤ LỤC

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND xã Đak Pơ)

STT	Nội dung chi	Số tiền	Ghi chú
I	Tổng chi ngân sách xã	70.237.000.000	
II	Số đã chi 6 tháng 4 xã đến 30/6/2025 (bao gồm chi từ dự phòng)	15.587.473.096	
III	Tiết kiệm 10% kinh phí chi thường xuyên năm 2025 theo quy định tại Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ của 4 xã	82.000.000	
IV	Số chi còn lại	54.567.526.904	
	Gồm các nội dung	54.567.526.904	-
1	Dự phòng còn lại	287.883.904	
2	Bổ sung có mục tiêu kinh phí CTMTQG	215.090.000	BSCMT
3	Chi đầu tư phát triển nguồn tiền sử dụng đất	270.000.000	
4	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	374.000.000	BSCMT
5	Kinh phí quỹ khen thưởng theo Nghị định 73/2024 của Chính phủ	457.000.000	BSCMT
6	Kinh phí BSCMT chăm sóc sức khỏe cán bộ, báo cáo viên còn lại	411.342.000	BSCMT
7	Đảng ủy	2.871.320.000	
	Quỹ lương	1.255.300.000	
	Chi thường xuyên	168.000.000	
	Phụ cấp BCH	139.000.000	BSCMT
	Phụ cấp theo Quy định 856-QĐ/TU của Tỉnh ủy Gia Lai	211.460.000	BSCMT
	Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ- CP (01 lái xe, 01 bảo vệ, 01 tạp vụ)	130.000.000	
	Người hoạt động không chuyên trách xã (01 người)	21.060.000	
	Kinh phí Đại hội Đảng	600.000.000	
	Kinh phí phục vụ công tác thăm tra, siêu tra, xác minh đơn thư	20.000.000	
	Kinh phí phục vụ công tác thăm tra, xác minh lý lịch đảng viên	20.000.000	
	Đường truyền hệ thống trực tuyến, mạng máy chủ	6.500.000	
	Kinh phí đặc thù (Hoạt động của Thường trực Đảng ủy xã, hội nghị, bảo trì, bảo dưỡng xe ô tô, chi khác...)	125.000.000	

STT	Nội dung chi	Số tiền	Ghi chú
	Kinh phí đặc thù (Chi tiếp khách, chi khác...), thuê xe vận chuyển TS	175.000.000	
8	UBMTTQVN xã	1.603.963.000	
8.1	UBMTTQVN xã	1.357.975.000	
	Quỹ lương	907.683.000	
	Chi thường xuyên	133.000.000	
	Khoản kinh phí hoạt động	11.232.000	
	Kinh phí đặc thù (Chi tiếp khách, các hoạt động, chi khác...)	50.000.000	
	Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP (01 bảo vệ)	25.000.000	
	Người hoạt động không chuyên trách xã (01 người)	21.060.000	
	Kinh phí Đại hội	55.000.000	
	KP khu dân cư	120.000.000	
	Kinh phí hoạt động cuộc vận động TĐĐK XDTNM của UBMT	20.000.000	
	Ban TTND	5.000.000	
	Ban giám sát cộng đồng	10.000.000	
8.2	Hội Phụ nữ	51.232.000	
	Khoản kinh phí hoạt động	11.232.000	
	KP tổ chức các hoạt động khác	5.000.000	
	Kinh phí Đại hội	35.000.000	
8.3	Đoàn xã	87.292.000	
	Khoản kinh phí hoạt động	11.232.000	
	Người hoạt động không chuyên trách xã (01 người)	21.060.000	
	KP tổ chức các hoạt động khác	20.000.000	
	Kinh phí Đại hội	35.000.000	
8.4	Hội Nông dân xã	56.232.000	
	Khoản kinh phí hoạt động	11.232.000	
	Kinh phí tổ chức các hoạt động khác	10.000.000	
	Kinh phí Đại hội	35.000.000	
8.5	Hội Cựu Chiến Binh xã	51.232.000	
	Khoản kinh phí hoạt động	11.232.000	
	KP tổ chức các hoạt động khác	5.000.000	
	Kinh phí Đại hội	35.000.000	
8.6	Hội chữ thập đỏ	10.000.000	
	KP tổ chức các hoạt động khác	10.000.000	
9	Văn phòng HĐND và UBND	6.935.645.000	
	Quỹ lương - biên chế hành chính	965.810.000	
	Chi thường xuyên - biên chế hành chính	133.000.000	
	Quỹ lương - biên chế xã đội	130.250.000	
	Chi thường xuyên - biên chế xã đội	21.000.000	
	Kinh phí đặc thù (Hoạt động của UBND, hội nghị, bảo trì, bảo dưỡng xe ô tô, chi khác...)	170.000.000	

STT	Nội dung chi	Số tiền	Ghi chú
	Kinh phí đặc thù (Chi tiếp khách, chi khác...)	130.000.000	
	Tiền thuê xe vận chuyển TS	30.000.000	
	Kinh phí hoạt động nhà khách	18.000.000	
	Kinh phí trợ cấp ngày công lao động cho dân quân thực hiện nhiệm vụ, khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự	321.550.000	
	Kinh phí trực tuần tra bảo đảm bảo ANTT theo NQ 87, hỗ trợ hoạt động Công an xã	99.000.000	
	Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP (01 lái xe, 01 bảo vệ, 01 tạp vụ ủy ban, 01 tạp vụ nhà khách	155.000.000	
	Kinh phí phụ cấp người hoạt động KCT xã (02 người) - chỉ huy phó	39.780.000	
	Kinh phí phụ cấp người hoạt động KCT xã (02 người)	42.120.000	
	Kinh phí phụ cấp người hoạt động KC thôn, làng	1.105.650.000	
	Kinh phí người hoạt động trực tiếp	1.504.035.000	
	Phụ cấp chức vụ chỉ huy DQTV + thôn đội trưởng	371.377.000	
	Chi hỗ trợ thường xuyên hằng tháng tổ bảo vệ ANTT cơ sở theo Nghị quyết 87/2024/NQ-HĐND	620.000.000	
	Kinh phí tiền thuê máy chủ, thuê bao kênh truyền mạng, cáp máy chủ	22.920.000	
	Công thông tin điện tử (tiền nhuận bút)	30.000.000	
	Chi công tác tư pháp: Chi công tác PBGDPL, hòa giải cơ sở, theo dõi thi hành pháp luật, mua biểu mẫu hộ tịch	60.000.000	
	Kinh phí hoạt động HĐND xã:		
	Phụ cấp ĐBHĐND	315.198.000	
	Chi cho các kỳ họp	250.850.000	
	Chi xây dựng các Nghị quyết, chương trình, kế hoạch, thẩm tra dự thảo NQ ...	168.025.000	
	Chi hoạt động tiếp xúc cử tri	37.800.000	
	Chế độ hỗ trợ đại biểu HĐND, hỗ trợ cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho HĐND các cấp	194.280.000	
10	Phòng Kinh tế	3.858.791.000	
	Quỹ lương	449.331.000	
	Chi thường xuyên	84.000.000	
	Kinh phí phục vụ công tác xây dựng dự toán, giao dự toán, xây dựng KT-XH, đăng ký kinh doanh, đường truyền TABMIS	40.000.000	

STT	Nội dung chi	Số tiền	Ghi chú
	Làm bảng tên mới các trụ sở, Cổng chào đường Nguyễn Tất Thành, Bảng Led bờ hồ	40.000.000	
	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, tiền điện chiếu sáng, kinh tế khác từ cấp huyện về xã	2.496.000.000	BSCMT
	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	28.460.000	BSCMT
	Tiền điện hộ nghèo	160.000.000	BSCMT
	Thu gom, vận chuyển xử lý rác thải, vệ sinh công cộng	561.000.000	BSCMT
11	Phòng Văn hóa - Xã hội	5.615.860.000	
	Quỹ lương	590.530.000	
	Chi thường xuyên	84.000.000	
	Kinh phí khen thưởng	200.000.000	
	Hội nghị điển hình tiên tiến	30.000.000	
	Chi công tác nội vụ (tôn giáo, CCHC, lưu trữ, ban vì sự tiến bộ PN ...)	35.000.000	
	Hỗ trợ cho NCC đi tham quan	5.000.000	
	Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP (01 bảo vệ)	25.000.000	
	Người hoạt động không chuyên trách xã (01 người)	21.060.000	
	Lĩnh vực y tế (khám nghĩa vụ quân sự + công an+ an toàn thực phẩm)	40.000.000	
	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ	140.000.000	
	Kinh phí bồi dưỡng hè cho giáo viên	144.500.000	BSCMT
	Kinh phí chi cho các hoạt động giáo dục: bồi dưỡng học sinh giỏi, tổ chức các hội thi, kỳ thi cho học sinh ...	30.000.000	
	Kinh phí thực hiện chính sách người có uy tín	24.170.000	BSCMT
	Kinh phí bảo trợ xã hội, mai táng phí, tiền điện hộ chính sách	4.089.000.000	BSCMT
	Kinh phí phụ cấp y tế thôn bản	137.600.000	
	Kinh phí hoạt động văn hóa thông tin (BCĐ chuyển đổi số, phong trào toàn dân ĐKXD ĐSVH)	20.000.000	
12	Trung tâm phục vụ hành chính công	511.992.000	
	Quỹ lương	353.632.000	
	Chi thường xuyên	56.000.000	
	Kinh phí cải tạo, sửa chữa hành chính công, chi hoạt động, đồng phục theo Nghị định 118/2025/NĐ-CP	61.300.000	
	Người hoạt động không chuyên trách xã (01 người)	21.060.000	
	Xây dựng chính quyền điện tử	20.000.000	

STT	Nội dung chi	Số tiền	Ghi chú
13	Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao xã	2.223.000.000	BSCMT
	Kinh phí chi con người và chi thường xuyên	1.125.069.000	
	Bổ sung kinh phí thực hiện quỹ tiền thưởng năm 2025 theo ND 73/2024 của chính phủ	168.900.000	
	Các hoạt động cấp xã, tham gia cấp tỉnh; mua sắm sửa chữa tài sản, dụng cụ,... phục vụ công tác tuyên truyền và nhiệm vụ khác;	99.405.000	
	Các hoạt động cấp xã, tham gia cấp tỉnh; Đại hội thể dục thể thao cấp xã, tuyên truyền cổ động, chào mừng, phục vụ Đại hội Đại biểu Đảng bộ xã Đak Pơ, tuyên truyền Đại hội các đoàn thể và các nhiệm vụ khác	509.785.000	
	Kinh phí hoạt động Hội trường xã: hoạt động thường xuyên, mua sắm, ...	71.189.000	
	Hỗ trợ thêm tiền điện cho hệ thống máy móc phục vụ truyền thanh, truyền hình, nhuận bút	27.992.000	
	Kinh phí phát sóng trên Trang truyền hình địa phương của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh:	110.044.000	
	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản, hỗ trợ thêm chi phí sản xuất chương trình, tuyên truyền,...	54.002.000	
	Chi hoạt động thường xuyên cho Đèn tường niêm: Nhang đèn, hoa quả; trồng, chăm sóc cây xanh,....	29.552.900	
	Tiết kiệm 10% kinh phí chi thường xuyên năm 2025 theo quy định tại Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ của 4 xã	27.061.100	
14	KP chi cho con người Phòng Nội vụ - sự nghiệp lưu trữ chuyển về các trường	198.140.000	BSCMT
15	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý (gồm Trung tâm chính trị)	28.733.500.000	BSCMT